

Chính sách thúc đẩy ươm tạo đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa ở vùng lãnh thổ Đài Loan

Tống Thùy Linh*, Cao Thị Thúy**

Nhận ngày 12 tháng 6 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Tóm tắt: Sau gần 70 năm ra đời tại Mỹ, mô hình vườn ươm hay cơ sở ươm tạo doanh nghiệp đã phổ biến trên toàn thế giới. Tại vùng lãnh thổ Đài Loan (sau đây gọi tắt là Đài Loan), tuy mô hình trên chỉ mới xuất hiện trong khoảng 30 năm gần đây nhưng đóng vai trò cốt yếu đối với sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) cũng như toàn bộ nền kinh tế nói chung. Năm 1997, Đài Loan bắt đầu triển khai chính sách thúc đẩy ươm tạo đối với DNNVV. Dựa trên tổng hợp, thống kê số liệu và dữ liệu từ các cơ quan, bộ, ban, ngành ở Đài Loan, bài viết phân tích chính sách thúc đẩy ươm tạo đối với DNNVV ở Đài Loan, thành quả của chính sách thúc đẩy ươm tạo. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chính sách thúc đẩy ươm tạo không những giúp gia tăng số lượng vườn ươm mà còn hỗ trợ tích cực cho DNNVV trong cung cấp dịch vụ, duy trì việc làm, cấp bằng sáng chế, v.v...

Từ khóa: Chính sách, ươm tạo, vườn ươm, doanh nghiệp, Đài Loan.

Phân loại ngành: Kinh tế

Abstract: Globally, the model of business incubators has gained popularity after nearly 70 years in the US. In Taiwan, although the above model has only appeared in the last 30 years, it plays a crucial role in both the development of small and medium enterprises (SMEs) and the economy in general. In 1997, Taiwan started implementing a policy to promote SME incubation. Based on the synthesis, statistics, and data from agencies and ministries in Taiwan, the article will analyze to clarify the policy of promoting incubation for SMEs. It will also analyze the results of Taiwan's incubator policy. Research results show that this policy not only helps to increase the number of incubators but also supports SMEs in providing services, maintaining jobs, obtaining patents.

Keywords: Policy, incubation, incubator, enterprise, Taiwan.

Subject classification: Economics

1. Đặt vấn đề

Năm 1956, lần đầu tiên khái niệm “vườn ươm doanh nghiệp” (business incubator, incubator) chính thức xuất hiện tại Mỹ khi Joseph Mancuso khai trương “Trung tâm công nghiệp Batavia”, vốn là một nhà kho bỏ hoang ở vùng Batavia, New York (The New York Times, 2011). Khoảng hai thập kỷ sau, những năm 1980, mô hình vườn ươm doanh nghiệp lan rộng khắp nước Mỹ, rồi mở rộng sang châu Âu, xuất hiện ở nước Anh dưới nhiều hình thái khác nhau, như các trung tâm đổi mới, các công viên khoa học/công nghệ. Kể từ đó đến nay, vườn ươm doanh nghiệp hay trung tâm ươm tạo được coi như là công cụ để phát triển thành công trong các nền kinh tế trên thế giới.

Theo *Từ điển tiếng Anh Cambridge*, “incubator” là một tổ chức giúp các cá nhân bắt đầu một công ty, đặc biệt có liên quan tới công nghệ cao (Cambridge Dictionary). Vườn ươm doanh nghiệp hay cơ sở ươm tạo, vườn ươm khởi nghiệp, “lồng ấp”, vườn ươm kinh doanh (business incubator) là một tổ chức giúp các doanh nghiệp nhỏ, các doanh nghiệp khởi nghiệp cũng như các cá nhân

* Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: tongthuylinh@gmail.com

** Trung tâm Phân tích và Dự báo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: caothuy2007@gmail.com

phát triển hoạt động kinh doanh. Cơ sở ươm tạo này cung cấp một loạt các dịch vụ như đào tạo quản lý, không gian văn phòng, vốn tài chính (cleartax). Ở một số quốc gia, vườn ươm kinh doanh không chỉ giúp các doanh nghiệp tiết kiệm được thời gian, chi phí, mà còn tiếp cận được các hỗ trợ cần thiết để phát triển trong tương lai, bao gồm: hỗ trợ về cơ sở vật chất, tư vấn hoàn thiện sản phẩm, kết nối với các quỹ đầu tư...

Theo ước tính của Hiệp hội vườn ươm quốc gia Mỹ, vào năm 2006, có khoảng 7.000 vườn ươm trên toàn cầu. Số lượng tại khu vực Bắc Mỹ vượt quá 1.400 vườn ươm, trong khi vào năm 1980 chỉ có 12 vườn. Tại Anh, số vườn ươm tăng từ 25 trong năm 1997 lên 270 vườn ươm. Ở các nước Tây Âu, tính đến năm 2002, đã có khoảng 900 quần thể vườn ươm doanh nghiệp (Hoàng Quang Tuyền, Trương Điện Thắng, 2023). Hoạt động ươm tạo doanh nghiệp này không chỉ giới hạn ở các nền kinh tế phát triển thuộc châu Mỹ, châu Âu mà lan rộng sang khu vực châu Á. Tại Nhật Bản, mô hình ươm tạo doanh nghiệp sơ khai đầu tiên là System House Center Kobe (thành lập năm 1982) và Maikon Techno House Kyoto (thành lập năm 1983) (Nobuya Fukugawa, 2021: 234). Sự xuất hiện các vườn ươm kinh doanh bắt đầu sớm ở Nhật Bản như một phần trong chính sách công ở nước này. Tại xứ sở kim chi, từ sau khủng hoảng tài chính châu Á 1997, Chính phủ Hàn Quốc bắt đầu thúc đẩy các vườn ươm doanh nghiệp (Sangmoon Park, 2008: 66). Tương tự Hàn Quốc, Chính quyền Đài Loan bắt đầu thực hiện chính sách ươm tạo đối với DNNVV từ năm 1997 với sự phối hợp từ nhiều cơ quan chính phủ, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp khu vực tư nhân. Cơ quan chịu trách nhiệm chính là Cục Quản lý Doanh nghiệp nhỏ và vừa (The Small and Medium Enterprise Administration - SMEA) thuộc Bộ Kinh tế (Ministry of Economic Affairs - MOEA) Đài Loan. Sau hơn 20 năm thực hiện, Đài Loan vẫn tiếp tục thúc đẩy hoạt động ươm tạo nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho DNNVV phát triển mạnh mẽ.

2. Chính sách thúc đẩy ươm tạo đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

2.1. Xác định cơ quan chịu trách nhiệm chính

Ngày 25/11/1991, Bộ tiêu chuẩn xác định DNNVV ở Đài Loan được chính thức ban hành, trải qua 12 lần sửa đổi với lần sửa đổi mới nhất là ngày 24/6/2020. Theo Bộ tiêu chuẩn mới nhất, DNNVV ở Đài Loan là doanh nghiệp đã hoàn thành đăng ký công ty hoặc đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật có liên quan, và có vốn góp không quá 100 triệu Đài tệ hoặc thuê ít hơn 200 nhân viên thường xuyên (Small and Medium Enterprise Administration, 2022a: 116). Theo điều 3, doanh nghiệp quy mô nhỏ là DNNVV sử dụng ít hơn 5 nhân viên thường xuyên.

Từ những năm 1960 của thế kỷ XX, khi triển khai chiến lược công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu, Chính quyền Đài Loan đã luôn quan tâm hỗ trợ sự phát triển các DNNVV. Đến năm 1994, nhằm tạo ra môi trường thuận lợi cho việc ra đời, phát triển của DNNVV, Đài Loan thành lập SMEA thuộc Bộ Kinh tế Đài Loan. SMEA có năm lĩnh vực tác nghiệp như sau: (1) *Tạo lập môi trường bền vững cho việc phát triển của DNNVV* thông qua cung cấp, phối hợp, điều chỉnh các quy định cần thiết liên quan đến DNNVV nhằm bảo vệ quyền của doanh nghiệp; lập kế hoạch và xây dựng hệ thống quản lý để đánh giá hiệu quả hoạt động của SMEA; (2) *Tối ưu hóa năng lực quản lý hoạt động của DNNVV* thông qua việc cung cấp và tư vấn hướng dẫn toàn diện nhằm hỗ trợ DNNVV thích ứng với tiêu chuẩn tiếp thị quốc tế, kết nối kinh doanh, dịch vụ sáng tạo và hợp tác lẫn nhau; tăng cường phát triển công nghiệp văn hóa địa phương ở khu vực thành thị và nông thôn, mạng lưới dịch vụ địa phương thông qua các giải thưởng DNNVV hoạt động tốt; (3) *Xây dựng nền tảng cho doanh nghiệp khởi nghiệp và ươm tạo* trên cơ sở hình thành cơ chế hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tạo lập nền tảng tri thức để khởi sự doanh nghiệp, đa dạng cơ chế ươm tạo, phát triển nguồn vốn và nhân lực cơ bản cho khởi sự doanh nghiệp; (4) *Nâng cao năng lực công nghệ thông tin cho DNNVV* thông qua cung cấp hướng dẫn trong lĩnh vực quản lý thông tin, tin học hóa doanh nghiệp, thúc đẩy sử dụng các ứng dụng quản lý tri thức... nhằm cải thiện khả năng quản lý chất lượng của các DNNVV; (5) *Tăng cường sự phát triển tài chính vững mạnh của DNNVV* dựa trên thiết lập hệ thống kế toán phù hợp, củng cố Quỹ bảo lãnh tín dụng... để mở rộng huy động vốn đầu tư, cấp vốn, bảo lãnh tín dụng cho DNNVV (Small and Medium Enterprise Administration, Ministry of Economic Affairs, 2023a).

Có thể thấy, với nhiệm vụ tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của DNNVV, một trong năm lĩnh vực tác nghiệp chính của SMEA có liên quan xây dựng nền tảng cho doanh nghiệp khởi nghiệp và ươm tạo. Để thực hiện 5 lĩnh vực hoạt động chủ chốt, ngoài 4 phòng (thư ký, nhân sự, kế toán, đạo đức công vụ), SMEA còn có 5 bộ phận chịu trách nhiệm tương ứng: Kế hoạch chính sách; Tư vấn quản lý; Khởi nghiệp kinh doanh và ươm tạo; Công nghệ thông tin; Tài chính (Small and Medium Enterprise Administration, Ministry of Economic Affairs, 2022b). Trong đó, bộ phận khởi nghiệp kinh doanh và ươm tạo chịu trách nhiệm triển khai, tăng cường khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo đối với doanh nghiệp thông qua vận hành các trung tâm ươm tạo, thực hiện các chương trình thúc đẩy khởi nghiệp. Như vậy, SMEA được tổ chức khá gọn gàng, quy củ với các phòng, ban tương ứng với các lĩnh vực hoạt động, chịu trách nhiệm chủ yếu trong chính sách thúc đẩy ươm tạo đối với DNNVV ở Đài Loan.

Trong khi đó, Viện Hành chính (The Executive Yuan), một trong năm cơ quan chính quyền chịu trách nhiệm xây dựng và thực hiện chính sách, xác định các ngành công nghiệp mới nổi quan trọng để thiết lập mạng lưới ươm tạo dành riêng cho các ngành công nghệ sinh học và y học, năng lượng xanh, văn hóa và sáng tạo, ứng dụng công nghệ thông tin & truyền thông. Bộ Giáo dục, Bộ Lao động, các tổ chức liên quan đóng góp và hỗ trợ các chương trình, dự án xây dựng hệ sinh thái ươm tạo. Ví dụ, Viện Nghiên cứu Công nghệ Công nghiệp (Industrial Technology Research Institute - ITRI) triển khai các dự án liên quan đến ứng dụng công nghệ chủ chốt nghiên cứu và phát triển (R&D), cấu phần quan trọng giúp các ngành công nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường nội địa và quốc tế (Wen-Bo Bang, 2013: 2). Những trung tâm ươm tạo được khuyến khích tăng cường khả năng ươm tạo thông qua chia sẻ tài nguyên.

2.2. Nội dung chính sách thúc đẩy ươm tạo

a) Bối cảnh hình thành chính sách

Chiếm tỷ lệ đa số lên tới 97-98% tổng số lượng doanh nghiệp, DNNVV đóng vai trò xương sống trong phát triển nền kinh tế Đài Loan. Song, cũng giống như ở nhiều nền kinh tế khác, bộ phận doanh nghiệp này thường gặp khó khăn trong thành lập, đổi mới công nghệ sản xuất,... Nhận thức được hàng loạt thách thức trên, để giúp các DNNVV thuận lợi hơn trong quá trình thành lập, đổi mới và tăng trưởng ở mọi giai đoạn, kết nối với các doanh nghiệp trên toàn cầu, phát triển ổn định, từ năm 1997, Đài Loan đã bắt đầu thực hiện chính sách ươm tạo đối với DNNVV thông qua SMEA thuộc Bộ Kinh tế Đài Loan. Tuy nhiên, trên thực tế, từ năm 1994, chính sách thúc đẩy ươm tạo đối khu vực công và tư đã bắt đầu (Wen-Bo Bang, 2013: 3) khi SMEA ra đời. Nhân tố chính dẫn tới sự hình thành chính sách trên bắt nguồn từ quan điểm của Chính phủ nhằm xây dựng một nền kinh tế “dựa trên tri thức” đủ mạnh, nhằm cạnh tranh trên thị trường toàn cầu. Sự quyết tâm của Chính quyền Đài Loan có ý nghĩa quyết định tới tính khả thi và hiệu quả của chính sách trên.

b) Quá trình phát triển của chính sách

Theo Chính quyền Đài Loan, hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp không chỉ gói gọn ở một khía cạnh đơn lẻ mà cần hình thành ngành công nghiệp ươm tạo với nhiều hoạt động hỗ trợ. Bộ phận DNNVV là một phần không thể thiếu của nền kinh tế và là nguồn cung cấp nguyên liệu, linh kiện quan trọng cho các ngành công nghiệp lớn hơn. Các yếu tố chính của một môi trường nuôi dưỡng doanh nghiệp tốt hơn bao gồm: văn hóa doanh nghiệp, cơ sở hạ tầng tốt, liên kết kinh doanh và giáo dục mạnh mẽ, một thị trường hiệu quả. Chính vì vậy, Chính quyền Đài Loan đã thiết lập những chương trình toàn diện có sự liên kết, kết nối của các bên liên quan để giúp DNNVV vượt qua các khó khăn về quy mô và nguồn lực. Từng bước tích hợp các nguồn lực trong các ngành khác nhau, phối hợp các cơ sở ươm tạo nhằm tạo lập nên một hệ sinh thái ươm tạo, dần dần xây dựng một môi trường lý tưởng cho khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp ở Đài Loan là những phác thảo đầu tiên. Trong thời kỳ đầu, cùng với sự phối hợp từ nhiều cơ quan thuộc bộ, ban ngành khác nhau như: các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, các công ty lớn, Phòng Thương mại và Hiệp hội doanh nghiệp, ngân hàng..., chính sách thúc đẩy ươm tạo chú trọng các vườn ươm trung tâm

và khuyến khích tạo lập thêm các trung tâm ươm tạo mới. Theo đó, Trung tâm Ươm tạo Đổi mới (Innovation Incubation Center) có thể trở thành một nền tảng và phương tiện giao tiếp hiệu quả, hỗ trợ các DNNVV. Trong khi SMEA bắt đầu xây dựng các vườn ươm hỗ trợ DNNVV, tại các trường cao đẳng, đại học... đã hình thành các trung tâm hợp tác công nghiệp - học viện. Trung tâm hợp tác trên có thể chuyển đổi các kết quả nghiên cứu của các cơ sở giáo dục thành kinh tế tri thức, tạo điều kiện hợp tác giữa các ngành và học viện để tích hợp và áp dụng hiệu quả các nguồn lực khoa học.

Từ năm 2002, kế hoạch phát triển 6 năm của “Trung tâm Khởi nghiệp châu Á - Thái Bình Dương” được phát động nhằm hỗ trợ chương trình “Thách thức 2008 - Chương trình phát triển quốc gia” (Challenge 2008 - National Development Program) và tạo lập một nền tảng vườn ươm đổi mới cho DNNVV. Nền tảng xây dựng trong thời gian này đã cung cấp cho các DNNVV cũng như các doanh nghiệp khởi nghiệp ở Đài Loan hỗ trợ, tư vấn về công nghệ, bí quyết, tài chính. Cơ chế học tập dành cho các doanh nghiệp khởi nghiệp mới hướng tới xây dựng một xã hội doanh nghiệp dựa trên tri thức.

Đến năm 2006, theo quyết định của Viện Hành chính, đóng góp cho đổi mới công nghiệp từ các trung tâm hợp tác công nghiệp - học viện cần được đẩy mạnh hơn. Khẳng định trên dẫn đến sự ra mắt của Lực lượng Đặc nhiệm Hợp tác Liên ngành Công nghiệp - Học viện (Intergrating Industry - Academic Collaboration Crosss-Department Task Force) với sự chung tay của Bộ Giáo dục (Ministry of Education - MOE) và Hội đồng Khoa học (National Science Council - NSC). Nhiệm vụ chính của lực lượng đặc nhiệm là cung cấp những ưu đãi cho các trường đại học để tích hợp R&D của học viện, chuyển giao công nghệ và ươm tạo doanh nghiệp hướng tới tối đa hóa hiệu quả (Wen-Bo Bang, 2013: 4).

Trong khi đó, Bộ Kinh tế (MOEA) được giao nhiệm vụ sử dụng các trung tâm ươm tạo đổi mới DNNVV như cơ sở cho việc gia tăng giá trị R&D giữa công nghiệp - học viện. *Chương trình vườn ươm thông qua hợp tác tăng giá trị giữa công nghiệp - học viện* (Value - adding Industry - Academia Cooperation through Incubation Program) được chính thức khởi động từ năm 2008, nhằm kiến thiết mạng lưới vườn ươm công nghiệp, tuyển dụng các chuyên gia vườn ươm và cải thiện môi trường ươm tạo. Đặc biệt, việc cải thiện và mạng lưới là những nguyên tắc chính giúp các cơ sở ươm tạo nâng cao khả năng cung cấp các dịch vụ gia tăng giá trị và môi trường phát triển khỏe mạnh cho các công ty khởi nghiệp mới. Cùng với mục tiêu phát triển tới 800 doanh nghiệp khởi nghiệp mới thông qua các vườn ươm trong vòng 4 năm để hiện thực hóa tầm nhìn “xây dựng cụm doanh nghiệp vừa và nhỏ đổi mới sáng tạo cạnh tranh quốc tế và định hướng các ngành hướng tới phát triển kinh tế theo định hướng đột phá”, giúp Đài Loan trở thành cái nôi cho sáng tạo, đổi mới và tinh thần kinh doanh toàn cầu.

Hình 1: Quá trình hình thành của chính sách thúc đẩy ươm tạo và kế hoạch phát triển từ 1994-2013

1994→	1996→	2001→	2002-2008→	2008-2013
Kế hoạch thành lập vườn ươm	Khuyến khích các công ty và tổ chức xây dựng vườn ươm	Kế hoạch 5 năm đẩy mạnh đổi mới và ươm tạo SMEs	Kế hoạch phát triển Trung tâm Khởi nghiệp châu Á – Thái Bình Dương	Gia tăng giá trị hợp tác Công nghiệp – Học viện thông qua Chương trình ươm tạo

Nguồn: Wen-Bo Bang, Ying-Cheng Hung, Chu-Ching Wang (2013)

Năm 2009, chính sách ươm tạo và chiến lược hành động của SMEA được điều chỉnh nhằm tăng cường sự kết nối các cơ sở ươm tạo, tổ chức hỗ trợ mạo hiểm, mạng lưới dịch vụ đổi mới và khởi nghiệp. Tập trung vào 3 mũi nhọn chính: Cải thiện môi trường ươm tạo khởi nghiệp; Thiết lập nền tảng thông tin, tri thức cho khởi nghiệp; Cấp vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp, SMEA tiếp tục xây dựng môi trường lành mạnh cho các dự án kinh doanh mới và khuyến khích tinh thần khởi nghiệp.

Giai đoạn 2008-2011, SMEA triển khai 8 hệ thống dịch vụ tư vấn tiêu chuẩn (vốn tài chính, quản lý R&D, tiếp thị, sở hữu trí tuệ, kế hoạch kinh doanh định hướng đổi mới, phát triển sản phẩm mới, quản lý R&D thuê ngoài hợp tác giữa công nghiệp - học viện, lập kế hoạch lộ trình phát triển) cho các trung tâm ươm tạo trong quá trình thiết lập.

c) Nội dung cụ thể của chính sách

Trong chính sách thúc đẩy ươm tạo ở Đài Loan, vườn ươm doanh nghiệp vừa là nơi phát triển các doanh nghiệp mới, sản phẩm mới, công nghệ mới, vừa là nơi hỗ trợ các DNNVV nâng cấp và chuyển đổi. Thông qua kết hợp hiệu quả các nguồn lực như văn phòng, thiết bị và cơ sở vật chất, công nghệ, vốn đầu tư, dịch vụ kinh doanh và tư vấn quản lý, vườn ươm doanh nghiệp không những giúp giảm chi phí mà còn hạn chế rủi ro cho các doanh nghiệp trong quá trình khởi nghiệp, giai đoạn đầu của R&D (Small and Medium Enterprise Administration, Ministry of Economic Affairs, 2013). Mục tiêu của chính sách trên, trước hết là xây dựng một nền tảng vững chắc và toàn diện nhằm khuyến khích đổi mới, tinh thần kinh doanh, tạo thuận lợi cho sự ra đời của các doanh nghiệp mới. Bên cạnh đó, vườn ươm doanh nghiệp không những tạo ra một môi trường ưu việt cho nghiên cứu và tinh thần kinh doanh mà còn đem lại lợi ích cho sự phát triển trong dài hạn của các DNNVV. Hơn nữa, hệ thống vườn ươm giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của các DNNVV, thúc đẩy nâng cấp và chuyển đổi ngành nghề, từ đó tạo động lực mới cho sự phát triển của nền kinh tế quốc dân. Chính vì vậy, các vườn ươm doanh nghiệp ở Đài Loan có 6 chức năng: (1) Giảm rủi ro đầu tư liên quan đến khởi nghiệp và R&D, nhờ đó cải thiện tỷ lệ thành công của các doanh nhân và nhà đổi mới; (2) Hỗ trợ các dự án ươm tạo và giúp phát triển các công nghệ và sản phẩm mới; (3) Tạo điều kiện thuận lợi thương mại hóa các kết quả R&D; (4) Cung cấp địa điểm gặp gỡ giữa các học giả và lãnh đạo ngành có nhu cầu hợp tác; (5) Cung cấp dịch vụ thử nghiệm để tăng tốc độ phát triển sản phẩm; (6) Hỗ trợ các dịch vụ tư vấn về phát triển tài năng, gây quỹ, cung cấp thông tin, quản lý và các hoạt động khác. Bên cạnh đó, các vườn ươm doanh nghiệp còn cung cấp 5 dịch vụ chính như bảng dưới đây.

Bảng 1: Năm dịch vụ do vườn ươm doanh nghiệp ở Đài Loan cung cấp

Dịch vụ	Chi tiết các dịch vụ
1. Hỗ trợ kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp văn phòng và cơ sở vật chất. - Cung cấp thiết bị thí nghiệm dùng chung, máy móc dụng cụ và tiện ích công cộng. - Dịch vụ lập kế hoạch bán hàng và tiếp thị. - Lập kế hoạch cho các chương trình đào tạo chuyên nghiệp và các bài phát biểu. - Hỗ trợ trong các chương trình khuyến mãi và triển lãm. - Cung cấp thông tin đầu tư và tài trợ, giới thiệu các công ty đầu tư mạo hiểm. - Dịch vụ tư vấn hoặc tư vấn pháp lý về sở hữu trí tuệ. - Hỗ trợ trong các đơn xin hỗ trợ của Chính phủ cho các dự án R&D.
2. Không gian và cơ sở vật chất	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ thành lập công ty mới hoặc đăng ký kinh doanh. - Tư vấn soạn thảo kế hoạch kinh doanh. - Trợ giúp soạn thảo hợp đồng với các bên nội bộ (giữa các công ty và trung tâm ươm tạo) hoặc các bên liên quan (giữa các công ty). - Quản lý và bảo trì phần mềm và phần cứng. - Quản lý an ninh tòa nhà.
3. Hỗ trợ kỹ thuật và nhân lực	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên gia tư vấn chuyên nghiệp. - Dịch vụ giới thiệu chuyên gia công nghệ. - Dịch vụ trong hợp tác công nghiệp - học viện. - Hỗ trợ hợp tác và liên minh chiến lược với các tổ chức nghiên cứu công nghệ. - Dịch vụ tư vấn hoặc tư vấn pháp lý về sở hữu trí tuệ.
4. Hỗ trợ thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tin về hỗ trợ do các cơ quan chính phủ cung cấp. - Hỗ trợ thu thập thông tin về ngành, thị trường hoặc công nghệ. - Tạo điều kiện hợp tác giữa các hiệp hội công nghiệp, hiệp hội học thuật chuyên ngành và các hiệp hội khác.

Nguồn: Small and Medium Enterprise Administration, Ministry of Economic Affairs (2013)

Đến năm 2018, SMEA, cơ quan chịu trách nhiệm thúc đẩy hoạt động ươm tạo, đã hỗ trợ qua trình chuyển đổi các cơ sở ươm tạo trở thành “Cơ sở ươm tạo cho các DNNVV” (Small and Medium Enterprise Incubators). Nếu trước năm 2018, các vườn ươm chỉ đơn thuần cung cấp các nguồn lực cho các doanh nghiệp thì sau năm 2018, các vườn ươm đã trở thành một tổ chức chia sẻ và hỗ trợ các DNNVV. Ngày 14/6/2018, *Hướng dẫn các quy định trợ cấp của Bộ Kinh tế cho ngành công nghiệp ươm tạo* được ban hành. Hướng dẫn trên được sửa đổi lần gần nhất ngày 5/8/2019. SMEA cũng đã phát triển “Tăng cường kỹ thuật khởi nghiệp” (Technical Entrepreneurship Amplifier - TEA), “Đổi mới doanh nghiệp địa phương” (Local Enterprise Innovation - LEI) và “Tổ chức tăng tốc khởi nghiệp quốc tế” (International Startup Accelerator - ISA) để tận dụng tối đa các hệ thống hỗ trợ khởi nghiệp và đổi mới ở Đài Loan (Small and Medium Enterprise Administration, 2022a: 80). Đồng thời, SMEA bắt đầu triển khai “Chương trình thúc đẩy chuỗi giá trị của tổ chức ươm tạo và khởi nghiệp” (Promoting the value chain of startup and incubation institution program) nhằm tích hợp các nguồn lực khởi nghiệp của Đài Loan, tạo ra một hệ sinh thái ươm tạo lấy đổi mới và khởi nghiệp làm cốt lõi, đồng thời tích hợp đầy đủ năng lực của các ngành khác nhau.

Đến năm 2022, SMEA tiếp tục thúc đẩy các cơ sở ươm tạo với mục đích tập trung vào việc chuyển đổi R&D, kết nối địa phương và các cơ sở ươm tạo quốc tế. SMEA hướng dẫn “lồng ấp” phát triển ươm tạo đa dạng thông qua phát triển công nghệ, phát triển địa phương và kết nối quốc tế. Nhằm tạo lập hệ thống hỗ trợ cho thanh niên địa phương, SMEA xúc tiến triển khai “Chương trình Vườn ươm Doanh nhân Thanh niên Địa phương” (Local Youth Entrepreneurs Incubator Program). Thông qua kết nối trực tiếp với các cộng đồng thanh niên địa phương, SMEA sử dụng các nguồn lực đáp ứng các yêu cầu phát triển của thanh niên địa phương, trao quyền cho thanh niên và phát triển kinh tế địa phương. Trên cơ sở đó, SMEA vừa thúc đẩy sự đổi mới và phát triển của địa phương, vừa cải thiện hệ sinh thái hỗ trợ và ươm tạo tổng thể. Các hạng mục công việc trong năm 2022 bao gồm: (1) Phát hành “Báo cáo ngành ươm tạo Đài Loan năm 2022”; (2) Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào khởi nghiệp; và (3) Thúc đẩy hợp tác chiến lược quốc tế trong lĩnh vực ươm tạo (Small and Medium Enterprise Administration, 2022a: 80).

3. Kết quả của chính sách thúc đẩy ươm tạo

3.1. Gia tăng số lượng vườn ươm nhanh chóng

Năm 1997, SMEA chính thức triển khai chính sách ươm tạo trên toàn lãnh thổ Đài Loan. Mặc dù vậy, trước mốc thời gian trên, SMEA đã hỗ trợ về tài chính lẫn hành chính chuẩn bị cho sự ra đời của nhiều trung tâm ươm tạo.

Tháng 1/1995, SMEA nhận nhiệm vụ khởi động Chính sách ươm tạo DNNVV thuộc chính sách vĩ mô của “Trung tâm điều hành châu Á Thái Bình Dương”. SMEA chỉ định Viện Quản lý Công nghệ (Institute of Management) từ Đại học Công lập Giao thông hoàn tất “Báo cáo lập kế hoạch cho các cơ sở ươm tạo DNNVV”. Sau một năm nỗ lực, năm 1996, vườn ươm đầu tiên ra mắt do Viện Nghiên cứu Công nghệ Công nghiệp (Industrial Technology Research Institute - ITRI) thiết lập với sự hỗ trợ của SMEA.

Với sự hợp tác từ các trường cao đẳng, đại học và các bên liên quan, SMEA góp phần chuẩn bị cho nhiều trung tâm ươm tạo khác. Tính đến tháng 4/1997, 8 vườn ươm doanh nghiệp đặt trong trường đại học, 2 trung tâm ươm tạo đặt ở viện nghiên cứu phi lợi nhuận và 1 vườn ươm tư nhân đã được thành lập từ năm 1996 (Benjamin J.C. Yuan, 1997). Năm 2000, gần 60 trung tâm ươm tạo được thành lập (Wen-Bo Bang, 2013: 3). Tính trong giai đoạn 1996-2001, SMEA đã hỗ trợ thành lập khoảng 50 vườn ươm trên khắp Đài Loan (Wen-Bo Bang, 2013: 5). Đa số vườn ươm được đặt trong khuôn viên trường đại học. Một số khác do China Petroleum Corp và các tổ chức tư nhân vận hành.

Trong số các vườn ươm do SMEA quản lý, Công viên Phần mềm Nankang (Nankang Software Park hay Vườn ươm phần mềm Nankang) là vườn ươm đầu tiên được xây dựng theo 3 giai đoạn. Các giai đoạn 1, 2, 3 lần lượt hoàn thành vào các năm 1999, 2003 và 2008 (Wikipedia). Công viên tập trung vào việc ươm tạo các ngành công nghệ chủ chốt và cung cấp cho các DNNVV các dịch vụ

uom tạo toàn diện cho các giai đoạn phát triển khác nhau. Tính đến năm 2021, SMEA quản lý 18 vườn uom doanh nghiệp phân bố: miền Bắc (10), miền Trung (3), miền Nam (4), miền Đông (1) (Small and Medium Enterprise Administration, Ministry of Economic Affairs, 2023b).

Nhằm thúc đẩy trao đổi và nghiên cứu hợp tác giữa các trường cao đẳng kỹ thuật và doanh nghiệp trong ngành công nghiệp, Bộ Giáo dục Đài Loan đã tích hợp các nguồn lực, kiến thức đổi mới cùng công nghệ của ngành... nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh công nghiệp. Do vậy, từ năm 2002, 6 trung tâm hợp tác công nghiệp - học viện được thành lập nhằm đẩy mạnh hoạt động hợp tác giữa công nghiệp - học viện (Cheng-Mei Tung, 2013: 67). Các trung tâm hợp tác công nghiệp - học viện đã trở thành một liên minh chiến lược và kỹ thuật cho các ngành công nghiệp khu vực, đóng vai trò là trung tâm liên lạc và hội nhập cho các nguồn lực của công nghiệp, Chính phủ, học viện và các tổ chức nghiên cứu. Các trung tâm này chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình đào tạo giáo dục và hợp tác công nghiệp - học viện, tích hợp các khoa liên quan, hợp tác thực hiện các chương trình hợp tác công nghiệp - học viện và đào tạo nguồn nhân lực, hình thành các liên minh công nghiệp trong các lĩnh vực trọng điểm và thúc đẩy phát triển kế hoạch hợp tác giữa ngành và học viện.

Tính đến năm 2005, có 79 vườn uom doanh nghiệp trên toàn lãnh thổ Đài Loan và 65 vườn uom (tương đương 83%) được thành lập trong các trường đại học và cao đẳng. Hầu hết các trung tâm uom tạo trong các trường đại học, cao đẳng cung cấp chương trình giáo dục về kỹ thuật (engineering education - EE) và giáo dục công nghệ kỹ thuật (engineering technology education - ETE) nhằm đạt hiệu quả trong khởi nghiệp công nghệ (Lung-Sheng Lee, Chun-Chin Lai, 2005: 1). Đến năm 2011, với 163 trường đại học và cao đẳng, Đài Loan sở hữu mật độ về cơ sở giáo dục đại học cao nhất thế giới. Với tổng số 131 vườn uom, 98 trong số 131 vườn uom do các trường cao đẳng, đại học điều hành, tập trung nhiều vào hỗ trợ R&D, 11 các vườn uom được tài trợ bởi các tập đoàn (Wen-Bo Bang, 2013: 1).

Bảng 2: Số lượng các trung tâm uom tạo, tổ chức sáng tạo ở Đài Loan

Khu vực	Các thành phố, huyện (số vườn uom)					
	1. Miền Bắc (114)	TP. Đài Bắc (66)	TP. Cơ Long (2)	TP. Tân Bắc (26)	TP. Đào Viên (9)	TP. Tân Trúc (6)
2. Miền Trung (24)	TP. Đài Trung (19)	Huyện Nam Đầu (2)	Huyện Văn Lâm (3)			
3. Miền Nam (33)	TP. Đài Nam (15)	TP. Cao Hùng (15)	TP. Gia Nghĩa (2)	Huyện Gia Nghĩa (1)		
4. Miền Đông (7)	Huyện Nghi Lan (3)	Huyện Hoa Liên (2)	Huyện Đài Đông (2)			
5. Đảo xa (2)	Quần đảo Bình Hồ (1)	Quần đảo Môn (1)				

Nguồn: Small and Medium Enterprise Administration, Ministry of Economic Affairs, 2023c

Theo số liệu mới nhất năm 2023, tổng số vườn uom doanh nghiệp, trung tâm uom tạo hay trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên toàn lãnh thổ Đài Loan đạt 180. Tập trung phần nhiều ở miền Bắc: 114, tương đương 63,3%; miền Nam: 33 (18,3%); miền Trung 24: (13,3%). Nhìn chung, các vườn uom được phân bố khá dày đặc, đóng vai trò trụ cột trong ngành công nghiệp của Đài Loan cũng như vị trí quan trọng trong thúc đẩy DNNVV ở Đài Loan. Trong khi đó, ở Nhật Bản, có khoảng 51 cơ sở uom tạo và tổ chức tăng tốc khởi nghiệp vào năm 2019 và tăng lên 104 vào năm 2022 (Tracxn, 2022). Rõ ràng là, so sánh với Nhật Bản, mạng lưới hệ thống “lồng ấp” ở Đài Loan nhiều và phân bố phủ kín.

3.2. Hỗ trợ tích cực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Với mạng lưới vườn uom dày đặc, Chính quyền Đài Loan đã sử dụng vườn uom như một công cụ chính sách nhằm tạo ra cơ hội thị trường. Những trung tâm uom tạo này nhận hỗ trợ tài chính

thông qua Quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV của chính phủ (Small and Medium Enterprise Credit Guarantee Fund - SMEG) nhằm đảo bảo nguồn vốn tài chính từ ngân hàng, cung cấp quỹ hạt giống hào phóng cho doanh nghiệp khởi nghiệp, quỹ R&D và đổi mới cho các doanh nghiệp nhỏ và định hướng đổi mới. Tổng chi phí hỗ trợ hoạt động cho các vườn ươm từ SMEA lên tới 5 triệu USD mỗi năm (Wen-Bo Bang, 2013: 5).

Tính đến cuối năm 2021, SMEA đã trợ cấp cho 150 cơ sở ươm tạo, hỗ trợ cho hơn 3.688 DNNVV, trong đó 2.200 là các doanh nghiệp khởi nghiệp. Bên cạnh đó, SMEA giúp tăng vốn đầu tư lên 22,9 tỷ Đài tệ, duy trì hoặc tạo thêm khoảng 50 triệu cơ hội việc làm trong vòng 3 năm liền kề (Small and Medium Enterprise Administration, 2022a: 80).

Đến năm 2023, SMEA đã cung cấp hỗ trợ ươm tạo cho 19.559 DNNVV, duy trì và tạo cơ hội việc làm cho hơn 361.235 người. Kết quả trên giúp vốn đầu tư và vốn góp tăng hơn 175 tỷ Đài tệ, hỗ trợ cho 113 doanh nghiệp niêm yết thành công (Small and Medium Enterprise Administration, 2023d).

Ở lĩnh vực đăng ký bằng sáng chế, thông qua hỗ trợ của SMEA, các doanh nghiệp tham gia quá trình ươm tạo đã nhận được 320 bằng sáng chế hoặc chuyển giao công nghệ. Đồng thời, SMEA cũng giúp 47 doanh nghiệp thuận lợi cho hợp tác quốc tế hoặc công ty khởi nghiệp nước ngoài bắt đầu hoạt động ở Đài Loan (Small and Medium Enterprise Administration, 2022a: 80).

Trong số các lồng ấp do SMEA trực tiếp quản lý, Công viên phần mềm Nankang (NKSP) được coi như “ngọn hải đăng” trong hệ thống vườn ươm ở Đài Loan. NKSP được đánh giá cao về sản lượng đóng góp hàng năm cho nền kinh tế, sức mạnh của các công ty hoạt động trong cơ sở vườn ươm, sự kết nối giữa khách hàng nội địa và quốc tế. Cụ thể, năm 2007, NKSP đóng góp khoảng 6 tỷ USD vào sản xuất của Đài Loan hàng năm và sử dụng khoảng 14.000 lao động. Năm 2008, NKSP được Economist Intelligent Unit xếp hạng cao nhất trên bốn hạng mục trong danh sách các công viên phần mềm danh tiếng ở châu Á (Wikipedia). Nhờ vườn ươm nổi trội này, năm 2000, Tạp chí Wired đã xếp Đài Bắc là Thành phố Kỹ thuật số 1 châu Á và xếp thứ 8 trên toàn cầu.

Trong số các vườn ươm đặt tại trường đại học, có thể kể đến Trung tâm ươm tạo đổi mới (Innovation Incubation Center) tại Đại học Công lập Đài Loan (National Taiwan University - NTUIIC). Giai đoạn đầu, NTUIIC phân loại các ngành ươm tạo thành 6 lĩnh vực sau: công nghệ điện tử, công nghệ thông tin, công nghệ viễn thông, công nghệ internet, tự động hóa máy móc và công nghệ sinh học. Thời gian gần đây, NTUIIC bổ sung thêm: công nghiệp bán dẫn và quang điện tử; các sản phẩm, dịch vụ và công nghệ đổi mới; các ngành liên quan tới chính sách phát triển của trường và chính phủ. Với không gian ươm tạo rộng rãi, các phòng thí nghiệm dùng chung, cơ sở vườn ươm này là nơi hội tụ của khoảng 2.000 giáo sư từ 10 trường đại học, có thể đón tiếp ít nhất 40 doanh nghiệp. Tính đến năm 2005, trong vòng 8 năm kể từ khi thành lập, trung bình mỗi năm có 22 DNNVV đã được ươm tạo. NTUIIC đã hỗ trợ 28 DNNVV hoàn tất giai đoạn ươm tạo. Những năm gần đây, NTUIIC hỗ trợ ươm tạo từ 21-30 DNNVV hàng năm (National Taiwan University). Vì thế, hoạt động kinh doanh của các ngành ươm tạo cũng như cơ sở ươm tạo phát triển nhanh chóng. Đặc biệt, đến năm 2003, tổng vốn của các cơ sở ươm tạo trong NTUIIC đã tăng hơn 800 triệu Đài tệ (tỷ giá 1 đô la Mỹ = 31,4 Đài tệ năm 2005). Các cơ sở vườn ươm đã nhận được 45,4 triệu Đài tệ từ quỹ của Chính quyền Đài Loan và tạo ra 800 cơ hội việc làm (Lung-Sheng Lee, Chun-Chin Lai, 2005: 3).

Tiếp theo, Trung tâm ươm tạo kinh doanh (The Business Incubator Center - BIC) tại Đại học Khoa học và Công nghệ Đài Loan (National Taiwan University of Science and Technology - NTUST) được thành lập năm 1998. Phạm vi hoạt động trong 5 lĩnh vực: (1) Thông tin, truyền thông và tiêu dùng điện tử; (2) Công nghiệp cơ khí chính xác và ô tô điện; (3) Công nghệ liên quan đến xây dựng; (4) Kỹ thuật hóa học, vật liệu cụ thể, kỹ thuật dệt và polyme; (5) Công nghệ khác liên quan đến NTUST. BIC thuộc NTUST đã giúp 7 doanh nghiệp khởi nghiệp của cựu sinh viên phát triển thành công ty niêm yết; 8 doanh nghiệp giành giải thưởng Out of Shell từ 2016-2022 (National Taiwan University of Science and Technology). Cùng với đó, BIC giành nhiều giải thưởng Trung tâm ươm tạo xuất sắc, Trung tâm ươm tạo tốt nhất... của nhiều tổ chức theo thời gian hoạt động.

Như vậy, các vườn ươm do SMEA quản lý như Công viên phần mềm Nankang,... cũng như các trung tâm ươm tạo đặt tại các trường, viện nghiên cứu, tổ chức tư nhân... không chỉ là chất xúc tác trong sự phát triển của các ngành công nghệ cao mà còn trực tiếp đóng góp không nhỏ, giúp các DNNVV chuyển đổi, tăng trưởng bền vững ở hiện tại và tương lai.

4. Một số đánh giá

Qua khảo sát chính sách thúc đẩy ươm tạo đối với DNNVV ở Đài Loan từ 1997 đến nay, chúng tôi nhận thấy rằng, Chính quyền Đài Loan đã triển khai các bước đi vững chắc nhưng linh hoạt để cải thiện và nâng cấp hệ thống ươm tạo. Mặc dù Đài Loan khởi đầu muộn trong chính sách thúc đẩy ươm tạo, nhưng mức độ tăng trưởng của ngành công nghiệp này rất nhanh. Đến năm 2011, Đài Loan sở hữu 131 vườn ươm với hơn 1.500 công ty và tuyển dụng hơn 60.000 lao động (Wen-Bo Bang, 2013: 6). Đến năm 2023, tổng số vườn ươm đạt 180. Chính quyền Đài Loan giữ vai trò cốt yếu trong hỗ trợ các cơ sở ươm tạo.

Trong giai đoạn đầu 1997-2002, SMEA ở Đài Loan chủ yếu tập trung vào các vườn ươm trung tâm và khuyến khích tạo lập thêm các vườn ươm mới. Bên cạnh các vườn ươm “vệ tinh” thuộc sự quản lý của SMEA, các cơ sở ươm tạo dần hình thành tại các trường đại học, cao đẳng và doanh nghiệp tư nhân. Giai đoạn tiếp theo, sau 2002-2008, Kế hoạch phát triển 6 năm của “Trung tâm Khởi nghiệp châu Á - Thái Bình Dương” được phát động, tạo lập nên một nền tảng vườn ươm đổi mới cho DNNVV, cung cấp hỗ trợ, lời khuyên về công nghệ, bí quyết, tài chính, hướng tới xây dựng một xã hội doanh nghiệp dựa trên tri thức. Giai đoạn sau 2008-2013, chính sách thúc đẩy ươm tạo tập trung vào gia tăng giá trị hợp tác Công nghiệp - Học viện thông qua Chương trình ươm tạo. Năm 2018, với khung pháp lý *Hướng dẫn các quy định trợ cấp của Bộ Kinh tế cho ngành công nghiệp ươm tạo*, SMEA đã hỗ trợ chuyển đổi các vườn ươm thành một tổ chức chia sẻ và hỗ trợ các DNNVV, thay vì chỉ đơn thuần cung cấp các nguồn lực cho các doanh nghiệp như trước đây. Nhờ vậy, vườn ươm doanh nghiệp không chỉ là nơi phát triển các doanh nghiệp mới, sản phẩm mới, công nghệ mới, mà còn là nơi hỗ trợ các DNNVV nâng cấp và chuyển đổi. Các cơ sở ươm tạo có 6 chức năng và cung cấp 5 dịch vụ thiết yếu cho các doanh nghiệp. Đến năm 2022, SMEA tiếp tục thúc đẩy các cơ sở ươm tạo với mục đích tập trung vào việc chuyển đổi R&D, kết nối địa phương và các cơ sở ươm tạo quốc tế. Nhờ những hoạt động trên, hệ thống cơ sở ươm tạo đối với DNNVV ở Đài Loan liên tục tăng, đạt 180 vào năm 2023. Đặc biệt, tỷ lệ các vườn ươm tại các cơ sở giáo dục chiếm tỷ lệ lớn, thực hiện vai trò hợp tác công nghiệp - học viện hiệu quả, đóng góp không nhỏ vào sự phát triển của các DNNVV thông qua hoạt động hỗ trợ, tăng vốn đầu tư cũng như đăng ký bằng sáng chế. Ở chiều cạnh khác, các vườn ươm được cụ thể hóa từng lĩnh vực ươm tạo, phân bổ dày đặc nên thuận lợi trong hỗ trợ DNNVV ở khắp Đài Loan. Đóng góp của các vườn ươm vào hoạt động sản xuất, hỗ trợ doanh nghiệp cũng như tạo việc làm trong DNNVV, qua đó giúp Đài Loan duy trì tốc độ tăng trưởng GDP ổn định đạt 3,31% (2017), 2,79% (2018), 3,36% (2020). Đáng chú ý, năm 2021, Đài Loan bứt phá với tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6,53% (Trading Economics, 2022). Chính vì thế, có thể nói, chính sách thúc đẩy ươm tạo đối với DNNVV Đài Loan đã được thực hiện hiệu quả và đóng góp tích cực vào sự phát triển của doanh nghiệp, cũng như tăng trưởng của nền kinh tế.

5. Kết luận

Thực tế cho thấy, Đài Loan đã triển khai thành công chính sách thúc đẩy ươm tạo đối với DNNVV ở Đài Loan trong gần 3 thập kỷ qua. Tại từng giai đoạn thực hiện, chính sách thúc đẩy ươm tạo có sự điều chỉnh nội dung, mục tiêu, phù hợp với điều kiện của DNNVV. Hệ thống vườn ươm ngày càng tăng về số lượng và cải thiện về chất lượng cung cấp dịch vụ, nâng cao chức năng, cụ thể hóa lĩnh vực. Tựu trung, đóng góp của các cơ sở ươm tạo vào hoạt động sản xuất, hỗ trợ doanh nghiệp vô cùng to lớn, tạo cú hích đẩy mạnh sự phát triển của DNNVV cũng như toàn bộ nền kinh tế của Đài Loan thời gian qua.

Tài liệu tham khảo

- Benjamin J.C. Yuan. (1997). Incubator program in Taiwan (new businesses). <https://ieeexplore.ieee.org/document/653318>
- Cambridge Dictionary. *Incubator*. <https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/incubator>
- Cheng-Mei Tung. (2013). The National Innovation System and Policy Implications for Entrepreneurship in Taiwan and Japan. <https://koreascience.kr/article/JAKO201354447932104.pdf>.
- Cleartax. Business Incubator (2023). <https://cleartax.in/g/terms/business-incubator-incubation-meaning>
- Hoàng Quang Tuyền, Trương Điện Thắng. (2023). Hiểu đúng về Vườn ươm doanh nghiệp. *Công thông tin điện tử Thành phố Đà Nẵng*. <https://www.danang.gov.vn/web/khoi-nghiep/hoat-dong-su-kien/chi-tiet?id=6554&c=89>
- Lung-Sheng Lee, Chun-Chin Lai. (2005). Technology Entrepreneurship Promoted by Universities' Incubation Centers in Taiwan: Its Successes and Challenges. <https://files.eric.ed.gov/fulltext/ED508691.pdf>
- National Taiwan University of Science and Technology, About Business Incubation Center. <https://www.bic.ntust.edu.tw/english>
- National Taiwan University, Office of Research and Development. https://ord.ntu.edu.tw/w/ordntuEN/IncubationServices_21011412155712317
- Nobuya Fukugawa. (2021). Chapter 13: Emergence and development of entrepreneurship and innovation intermediaries: the case of business incubators in Japan. *Handbook of Research on Business and Technology Incubation and Acceleration*. Edward Elgar Publishing.
- Sangmoon Park. (2008). Business Incubators and Entrepreneurship in Korea: Analyzing Historical Development and Current Situation. *Far Eastern Studies*, Vol.7, May.
- Small and Medium Enterprise Administration. (2022a). *2022 White Paper on Small and Medium Enterprises in Taiwan*.
- Small and Medium Enterprise Administration, Ministry of Economic Affairs. (2022b). *Organization*, <https://www.moeasmea.gov.tw/article-en-2448-279>
- Small and Medium Enterprise Administration, Ministry of Economic Affairs. (2013). *The Definition, Purposes, Functions and Services of Incubation Centers*. <https://incubator.moeasmea.gov.tw/en/incubation-centers-en.html>
- Small and Medium Enterprise Administration, Ministry of Economic Affairs. (2023a). *Vision & Strategies*. <https://www.moeasmea.gov.tw/article-en-2449-280>
- Small and Medium Enterprise Administration, Ministry of Economic Affairs. (2023b). *2023 Distribution Map*, <https://incubator.moeasmea.gov.tw/en/incubation-centers-en/distribution-map-en.html>
- Small and Medium Enterprise Administration, Ministry of Economic Affairs. (2023c). *Contact list of Creative and Educational Institutions*. <https://incubator.moeasmea.gov.tw/partner-institutions/contact-info.html>
- Small and Medium Enterprise Administration, Ministry of Economic Affairs. (2023d). *Project for Development of Incubator Institutions*. <https://incubator.moeasmea.gov.tw/en/about-us-en.html>
- The New York Times. (2011). *Darren Dahl, "How to choose an incubator"*, <https://www.nytimes.com/2011/01/27/business/smallbusiness/27sbiz.html?mtrref=www.google.com>
- Tracxn. (2022). *Accelerator & Incubators in Japan*. <https://tracxn.com/d/investor-lists/Accelerators-&-Incubators-in-Japan>
- Trading Economics. (2022). *Taiwan Full Year Gdp Growth*. <https://tradingeconomics.com/taiwan/full-year-gdp-growth>
- Wen-Bo Bang, Ying-Cheng Hung, Chu-Ching Wang. (2013). University - Industry Business Incubators in Taiwan. *Open Journal of Business and Management*
- Wikipedia, Nankang Software Park. https://en.wikipedia.org/wiki/Nankang_Software_Park